TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2023
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan
2. Ông Trần Văn Thảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa*: Ông Lê Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 Quyết định hoãn phiên toà số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thị Công N, sinh năm 2003; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Võ Ngọc T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị Công N trình bày: Chị N và anh Võ Ngọc T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 22/12/2021. Trong quá trình sống chung, hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do không đồng nhất quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên xảy ra mâu thuẫn, tình trạng này lặp đi lặp lại nhiều lần nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị N và anh T đã ly thân nhau từ năm 2022 đến nay không còn tình cảm vợ chồng. Hôm nay, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Võ Ngọc T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Võ Đặng Khánh D, sinh ngày 27/4/2022, chị N đang nuôi con nên yêu cầu tiếp tục được nuôi con. Tại phiên toà, chị N trình bày có công việc và thu để nuôi con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Ngọc T, mặc dù đã được Tòa án Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng đều cố tình vắng mặt nên không trình bày ý kiến của anh về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N về yêu cầu ly hôn với anh Võ Ngọc T và giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị N rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, chị cho rằng có việc làm và thu nhập nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về án phí: Buộc chị N phải chịu số tiền 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Đặng Thị Công N yêu cầu ly hôn với anh Võ Ngọc T, sinh năm 1997, hiện cư trú tại xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Võ Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Công N và anh Võ Ngọc T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị giữa chị N và anh T có phát sinh mâu thuẫn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần đến để tham gia hòa giải, xét xử nhưng anh T không đến Toà án để hoà giải. Xét thấy, hiện nay chị N và anh T đã không còn chung sống với nhau, tại phiên toà chị N cho rằng chị N và anh T không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên không thể nào đoàn tụ được. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Công N được ly hôn với anh Võ Ngọc T.

[4] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Võ Đặng Khánh D, sinh ngày 27/4/2022 hiện nay đang được chị N nuôi dưỡng. Vì các con còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ, do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu D cho chị N trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng 2.000.000đ/ tháng để nuôi con nhưng tại phiên tòa chị N trình bày chị có việc làm, có thu nhập nên rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Việc chị N rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Công N.

Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Công N được ly hôn với anh Võ Ngọc T.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Đặng Thị Công N được quyền nuôi con chung là cháu Võ Đặng Khánh D, sinh ngày 27/4/2022 cho đến khi cháu Duy thành n hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Chị Đặng Thị Công N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006741 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Võ Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2023) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND xã T, TX . A (để ghi vào sổ hộ tịch; Kết hôn số 30, ngày 22/12/2021);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Trung Toàn